

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HS-PT

Ngày 29 - 8 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Minh.

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Mai Lan; Bà Lại Thị Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 28/2023/TLPT-HS ngày 12 tháng 5 năm 2023. Do có kháng cáo của các bị cáo Lê T, Lê Văn K, Trần Quốc V, Lê Thị Thảo C, Bùi Văn K đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2023/HS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXPT-HS ngày 29 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2023/HSPT-QĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2023/HSPT-QĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2023/HSPT-QĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023.

*** Các bị cáo có đơn kháng cáo:**

1. Lê T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 30/3/1987 tại tỉnh Gia Lai; Nơi ĐKKHKT: 159/9/9 đường NS, phường TQ, quận TP, thành phố H; Chỗ ở hiện nay: 281/6/29 Bình Lợi, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố H; Nghề nghiệp: Nhân viên Ngân hàng; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông Lê K T và bà Huỳnh Thị Xuân C (đều đã chết); Vợ là Lê Thị Kim H và có con sinh ngày 20/4/2023; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/9/2022 đến ngày 31/10/2022 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn K (tên gọi khác: Không), sinh ngày 02/4/2000 tại huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã TH, huyện TP, tỉnh TG; Nghề nghiệp: Nhân viên kinh doanh; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Đảng, chính quyền, đoàn thể:

Không; Con ông Lê Văn P, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Quốc V (tên gọi khác: Không), sinh ngày 06/02/1995 tại tỉnh Kon Tum; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Số 775 PVD, tổ 3, phường THĐ, thành phố K, tỉnh K; Nghề nghiệp: Nhân viên bất động sản; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông Trần Quốc T, sinh năm 1952 và bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1954; Vợ là Lê Thị Thảo C, sinh năm 1995 (cùng là bị cáo trong vụ án) và chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Thị Thảo C (tên gọi khác: Không), sinh ngày 27/6/1995 tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Số 775 PVD, tổ 3, phường THĐ, thành phố K, tỉnh K; Nghề nghiệp: Nhân viên bất động sản; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông Lê Hữu T, sinh năm 1964 và bà Trương Thị M, sinh năm 1968; Chồng là Trần Quốc V, sinh năm 1995 (cùng là bị cáo trong vụ án) và chưa có con. Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Bùi Văn K (tên gọi khác: Không), sinh ngày 07/4/1987 tại huyện TX, tỉnh TH; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: thôn HL, xã NP, huyện TX, tỉnh TH; Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông Bùi Văn Y, sinh năm 1966 và bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1966; Vợ là Trần Thị T, sinh năm 1993 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**** Các bị cáo rút đơn kháng cáo:***

1. Mã Tấn A (tên gọi khác: Không), sinh ngày 17/02/1997 tại thành phố BL, tỉnh BL. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: 185H NTT, khóm 1, phường 8, thành phố CM, tỉnh CM; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2022 đến nay. Vắng mặt.

2. Kim Minh T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 23/4/1995 tại huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Nơi ĐKHKTT: xã PT, huyện CL, tỉnh TV; Chỗ ở hiện nay: Chung cư Vision, phường TT, quận BT, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/6/2022 đến nay. Vắng mặt.

**** Các bị cáo không kháng cáo:***

1. Võ Nguyên S (tên gọi khác: Không), sinh ngày 16/8/1993 tại huyện BC, tỉnh TN. Nơi ĐKHKTT: Ấp TC, xã LT, huyện BC, tỉnh TN. Chỗ ở hiện nay: Số 27, TĐT, phường HT, quận TP, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2022 đến nay. Vắng mặt.

2. Võ Thành T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 16/11/1989 tại huyện

HĐ, tỉnh Long An. Nơi ĐKHKTT: Ấp 4, xã ĐHĐ, huyện ĐH, tỉnh Long An. Chỗ ở hiện nay: Số 193/10B VT, phường 8, quận 6, thành phố H. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2022 đến nay. Vắng mặt.

3. Huỳnh Tuấn K (tên gọi khác: Không), sinh ngày 02/9/1981 tại huyện CG, LA. Nơi ĐKHKTT: 194/10 TT, phường 12, quận 11, thành phố H. Chỗ ở hiện nay: Số 01 đường 19, khu dân cư NL, phường AL, quận BT, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2022 đến nay. Vắng mặt.

4. Nguyễn Quỳnh N (tên gọi khác: Không), sinh ngày 24/5/1995 tại Thành phố H. Nơi ĐKHKTT: 92D/49 Hậu Giang, phường 6, quận 6, thành phố H. Chỗ ở hiện nay: 193/10B VT, phường 8, quận 6, thành phố H; Nghề nghiệp: Hộ lý. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2022 đến nay. Vắng mặt.

5. Nguyễn Phi H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 17/5/1999 tại huyện PT, tỉnh AG. Nơi ĐKHKTT: Ấp BT 1, xã PB, huyện PT, tỉnh AG. Chỗ ở hiện nay: Chung cư Vision, phường TT A, quận BT, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/6/2022 đến nay. Vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:***

Chị Dương Thị T, sinh năm 1995; trú tại: Số 27 TĐT, phường HT, quận TP, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 3 năm 2022, đối tượng Tòng Văn B, sinh năm 1985; trú tại bản C, phường CA, thành phố S đã đưa ra thông tin gian dối về việc có khả năng chuyển đổi được mục đích quyền sử dụng đất cho 04 người tại thành phố S và các huyện SM và SC, tỉnh S nhằm chiếm đoạt hơn 1 tỷ đồng. Để thực hiện hành vi phạm tội của mình, sau khi nhận tiền và các thông tin cá nhân về đất của 4 người bị hại cung cấp, đối tượng Bình đã lên mạng xã hội zalo liên hệ với tài khoản có tên “Đỗ Quốc N” đặt làm giả 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thông tin như Bình cung cấp, sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, Bình đã giao cho những người bị hại số giấy tờ giả trên. Quá trình điều tra, căn cứ vào các tài liệu và lời khai của đối tượng Tòng Văn B, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Sơn La lập chuyên án để điều tra và đã phát hiện, xác định được nhóm đối tượng làm giấy tờ gồm Võ Nguyên S, Võ Thành T, Mã Tân A, Nguyễn Phi H, Kim Minh T, Nguyễn Quỳnh N, Huỳnh Tuấn K. Tiếp tục điều tra mở rộng vụ án đã phát hiện thêm các đối tượng phạm tội làm giả, sử dụng tài liệu, con dấu giả của cơ quan, tổ chức gồm có Lê T, Bùi Văn K, Lê Văn K, Trần Quốc V, Lê Thị Thảo C.

Quá trình điều tra, các đối tượng trên đã khai nhận: Khoảng cuối năm 2019, Võ Nguyên S nảy sinh ý định làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức để thu lợi nhuận. Để thực hiện hành vi làm giả giấy tờ, S đã lập 02 trang web là “www.giaytonhanh.com” và “www.lamgiaytogia.com” và để tìm kiếm khách hàng, tiếp đó S sử dụng 01 sim điện thoại số 0939.456.471 để lập tài khoản Zalo tên “*Bùi Dũng*” đồng thời đặt số điện thoại này tại các trang web đã tạo để khách hàng thấy và liên lạc khi có nhu cầu. S mua 03 tài khoản ngân hàng của một người không quen biết trên mạng xã hội gồm tài khoản Vietcombank số 0441000748145 mang tên Mai Hoàng P, tài khoản Vietcombank số 1016413567 mang tên Bùi Văn D để nhận tiền khách mua giấy tờ giả và tài khoản Sacombank số 060229815981 mang tên Nguyễn Thanh T để nhận tiền từ 02 tài khoản trên và rút tiền. Song song đó, S tìm hiểu trên mạng và liên hệ với tài khoản Zalo tên “T” của một người không biết tên, tuổi, địa chỉ để mua phôi các loại giấy tờ mà S cần làm giả. Để thuận lợi cho việc làm giả giấy tờ, S đã thuê căn hộ A22E, Chung cư Vision, số 96, TĐN, quận BT, TP H và mua nhiều máy móc, thiết bị như: Máy làm dấu silicon, máy đóng dấu âm dương, máy ép plastic, máy scan, máy in, máy in đen trắng, máy in thẻ, máy tính xách tay... đặt tại căn chung cư trên. S thuê Kim Minh T, Nguyễn Phi H trực tiếp vận hành máy móc thực hiện việc in ấn, làm giả giấy tờ cho S. Từ đó, S nhận làm nhiều loại giấy tờ giả khác nhau như: Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Bằng tốt nghiệp, Giấy ra viện, Giấy nhập viện, các loại chứng chỉ, Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận độc thân, Giấy đăng ký kết hôn... với giá từ 1.500.000^d đến 10.000.000^d.

Khoảng tháng 11/2021, Mã Tấn A do có quen biết với S và biết được S làm giấy tờ giả nên đã liên hệ để xin làm cộng tác viên. S đồng ý nên A mua 02 sim rác số 0931.403.346 - 0934.484.956 và tạo 02 tài khoản Zalo mang tên “*Thanh Tuấn*” và “*Đỗ Quốc N*” để tư vấn, tiếp nhận thông tin của khách hàng đặt làm giả giấy tờ. S đã thêm thông tin 02 tài khoản Zalo trên của A vào các trang web quảng cáo làm giấy tờ giả để khách hàng liên hệ.

Sau khi tiếp nhận thông tin từ khách hàng, Mã Tấn A sử dụng tài khoản gmail “huuthien140618@gmail.com” để gửi thông tin đến tài khoản gmail “uytin.khongluadaovovan@gmail.com” cho S. Thông tin trên được S tiếp nhận là tự động chuyển tiếp đến tài khoản gmail “vietglobal.asian@gmail.com” đăng nhập sẵn trên máy tính xách tay của T và H hoặc sử dụng tài khoản Viber đăng ký bằng số điện thoại 0939.456.471 của S, đăng nhập trên chiếc điện thoại di động nhãn hiệu MI 6X của S đến tài khoản Viber đăng ký bằng số điện thoại 0979.015.671 đăng nhập trên chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Pro Max của H. T và H căn cứ thông tin khách hàng yêu cầu sẽ trực tiếp thực hiện việc in ấn, làm giả con dấu, tài liệu.

Khoảng đầu năm 2021, S biết Võ Thành T là lái xe ôm chạy dịch vụ Grab nên đã rủ T giao giấy tờ giả cho mình thì T đồng ý. T thực hiện giao giấy tờ giả

cho khách hàng và được S trả công từ 150.000^d đến 200.000^d mỗi đơn hàng giao trực tiếp trên địa bàn TP H hoặc 50.000^d mỗi đơn hàng gửi cho khách hàng qua đường bưu điện. Giấy tờ giả làm xong sẽ được H chuyển phát đến địa chỉ của T là 289, Lý Thái Tổ, Phường 10, Quận 10, TP H (*địa chỉ quán sửa xe nơi T làm việc*) hoặc số 193/10B, đường Văn Thân, Phường 6, Quận 6, TP H (*địa chỉ nhà của T*). Sau khi giao giấy tờ giả cho khách, số tiền thu được trực tiếp T sẽ đưa lại cho Nguyễn Quỳnh N (*vợ của T*), sau khi trừ đi số tiền công T được hưởng, Như sẽ sử dụng tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0251002775990 mang tên Nguyễn Quỳnh N để chuyển số tiền còn lại đến tài khoản Mai Hoàng P hoặc Bùi Văn D do S quản lý.

Khoảng giữa tháng 5/2022, T có thỏa thuận với Huỳnh Tuấn K (*Khanh là anh nuôi của Như*) đi giao giấy tờ giả cho T thì Khanh đồng ý. T trả công cho Khanh mỗi lần đi giao khoảng 200.000^d đến 300.000^d. T gửi thông tin, địa chỉ khách hàng đặt làm giấy tờ giả đến số điện thoại 0776.157.919 hoặc 0837.453.962 cho Khanh, Khanh thu tiền trực tiếp từ khách và chuyển lại cho T.

Quá trình mở rộng điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S đã làm rõ 08 trường hợp đặt làm giấy tờ giả, cụ thể như sau:

1. Trường hợp Thạch Minh T:

Ngày 27/12/2021 Thạch Minh TH, sinh năm 1993; HKTT: Ấp Ba So, xã Hiệp Hoà, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh đã liên hệ với tài khoản Zalo Đỗ Quốc N của Mã Tấn A để đặt làm giả 01 Giấy chứng nhận kết hôn + 03 Tờ lục kết hôn mang tên Thạch Minh T và Nguyễn Thị Thanh P với giá 3.000.000đ. TH đã chuyển hình ảnh, thông tin liên quan cho An, tiền đặt cọc 200.000đ cho S. An chuyển lại thông tin cho S, S chuyển lại cho Hiếu, T. H trực tiếp in ấn, làm giả giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu của TH, T không tham gia cùng. Giấy tờ giả làm xong được H chuyển phát đến cho T để T giao cho Thuận. Sau khi nhận được giấy tờ giả, Thuận đã thanh toán nốt số tiền 2.800.000đ còn lại cho T rồi mang về nhà cất (chưa sử dụng vào việc gì). Số tiền thu được, T đã đưa cho N để N chuyển đến tài khoản ngân hàng mang tên Mai Hoàng P của S.

2. Trường hợp Bùi Văn K, Lê Văn K, Trần Quốc V, Lê Thị Thảo C:

Vào tháng 12/2021, Bùi Văn K có nhu cầu vay 417.000.000^d của Ngân hàng VPBank chi nhánh TP H để mua 01 chiếc xe nhãn hiệu Nissan Almera tại đại lý xe Nissan; địa chỉ: 202 - 204, Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, TP H. K được Lê Văn K là nhân viên của đại lý xe Nissan tư vấn và yêu cầu K cung cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Do vào thời điểm đó, Bùi Văn K và vợ là Trần Thị Thu, sinh năm 1993; HKTT: Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đang ly thân nhưng chưa có quyết định ly hôn của Tòa án nên K không muốn vợ liên quan gì đến việc mua tài sản là chiếc ô tô trên. K đã tư vấn cho K để làm 01 Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân giả để bổ sung vào hồ sơ vay vốn. K đồng ý và nhờ Kha làm nhưng Kha không biết chỗ làm nên đã nhờ Trần

Quốc V cùng làm việc tại đại lý ô tô với Kha làm giúp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân giả cho K. Việt đồng ý và nhờ người yêu là Lê Thị Thảo C làm giấy tờ giả cho K thì C đồng ý. C lên mạng internet tìm kiếm rồi sử dụng tài khoản Zalo tên “Hung Thịnh Land”, đăng ký bằng số điện thoại 0865178187 liên hệ với tài khoản Zalo “Đỗ Quốc N” của An để đặt làm giả 01 Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho Bùi Văn K với giá 1.500.000đ. A yêu cầu gửi hình ảnh Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, lý do xin giấy, ngày xin giấy và hình ảnh dấu mộc của UBND xã, sau đó C nhắn cho V, V nhắn cho K, K nhắn cho K. K đã cung cấp cho K hình ảnh Căn cước công dân của bản thân, Sổ hộ khẩu của gia đình, K chuyển tiếp cho Việt và cung cấp thêm lý do xin giấy để bổ túc hồ sơ mua xe, ngày xin giấy là 29/12/2021, Việt chuyển cho C, C gửi cho A. K chuyển khoản số tiền 6.000.000đ từ tài khoản ngân hàng SeABank số 000009001431 mang tên Bùi Văn K đến tài khoản ngân hàng MBBank số 0352190414 mang tên Lê Văn K gồm tiền làm giấy tờ giả và tiền mua phụ kiện xe ô tô với nội dung “chuyển tiền giấy tờ”. Kha chuyển số tiền 3.000.000đ đến tài khoản ngân hàng MBBank số 2200115204005 mang tên Trần Quốc V của V. V chuyển số tiền 1.500.000đ đến tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0171003459459 mang tên Lê Thị Thảo C. C sử dụng tài khoản ngân hàng TMCP Á Châu số 17082907 mang tên Lê Thị Thảo C chuyển 200.000đ tiền đặt cọc đến tài khoản ngân hàng mang tên Mai Hoàng P của S và cung cấp người nhận là Việt, nhận tại đại lý xe ô tô Nissan Quận 7, số điện thoại của Việt là 0349771653. Thông tin An tiếp nhận được chuyển đến cho S, S chuyển tiếp đến cho H, T để làm giả. H đã một mình trực tiếp in ấn, làm giả 01 Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 16 ngày 29/12/2021 có xác nhận của UBND xã Ngọc Phụng, huyện Thường Xuân, tỉnh TH mang tên Bùi Văn K, T không tham gia cùng. Giấy tờ giả làm xong được H chuyển phát đến cho T. Đến ngày 31/12/2021, T giao giấy tờ giả đến địa chỉ đại lý ô tô Nissan và gọi cho Việt ra nhận nhưng Việt không có mặt tại đại lý nên đã gọi Kha ra nhận. Kha nhận và kiểm tra thông tin đúng thì gọi cho V để thanh toán, Việt báo lại cho Chi để chuyển tiền, C đã chuyển số tiền 1.300.000đ từ tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0171003459459 mang tên Lê Thị Thảo C đến tài khoản ngân hàng Nguyễn Quỳnh N theo yêu cầu của T. Sau đó N chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng Mai Hoàng P cho S. Sau khi nhận được giấy tờ giả, Kha đã chụp ảnh qua Zalo cho K xem. Sau đó K đã cùng Kha đến ngân hàng VPBank chi nhánh TP H sử dụng giấy xác nhận tình trạng hôn nhân giả trên để hoàn thiện hồ sơ vốn ngân hàng.

3. Trường hợp Lê T:

Từ tháng 01/2022 đến tháng 02/2022, Lê T, sinh năm 1987; trú tại: 159/9/9, đường Nguyễn Suý, phường Tân Quý, quận Tân Phú, TP H làm cán bộ tín dụng tại Ngân hàng VIB chi nhánh Thành Đô, TP H đã liên hệ với tài khoản Zalo “Đỗ Quốc N” của Mã Tấn A để đặt làm giả 01 Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân mang tên Cao Ngọc K, sinh năm 1988, trú tại phường TĐH, TP DA, tỉnh BD với giá 1.500.000đ. T đã sử dụng tài khoản zalo tên T gửi các thông tin của anh

Cao Ngọc K (*hình ảnh sổ hộ khẩu, CMND*), chữ ký của bà Võ Thị Bạch Tuyết – Phó chủ tịch UBND phường, hình dấu tròn của UBND phường Tân Đông Hiệp, TP Dĩ An, tỉnh Bình Dương cho An và sử dụng tài khoản ngân hàng VIB số 607704060183726 mang tên Lê T chuyển 200.000đ tiền đặt cọc đến tài khoản ngân hàng mang tên Mai Hoàng P của S. Thông tin An tiếp nhận được chuyển đến cho S, S chuyển tiếp đến cho Hiếu, T để làm giả. Tại thời điểm này, T đi học nên H đã một mình trực tiếp in ấn, làm giả 01 Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân mang tên Cao Ngọc K có xác nhận của UBND phường Tân Đông Hiệp, T không tham gia cùng. Giấy tờ giả làm xong được H chuyển phát đến cho T để T giao cho T tại địa chỉ ngân hàng VIB chi nhánh Thành Đô. T đã thanh toán nốt số tiền 1.300.000đ cho T, T đưa tiền cho Như để Như chuyển đến tài khoản ngân hàng mang tên Mai Hoàng P của S. Sau đó, T đã sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân giả trên để bổ sung vào hồ sơ vay của anh Cao Ngọc K để K vay được tiền của Ngân hàng VIB.

4. Trường hợp Tòng Văn B:

Khoảng giữa tháng 02/2022, Tòng Văn B, sinh năm 1985; HKTT: Bản Cọ, phường CA, TP Sơn La liên hệ với tài khoản Zalo “*Đỗ Quốc N*” của Mã Tấn A để đặt làm 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với giá 19.000.000đ. Bình đã cung cấp mọi thông tin người đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các thông tin liên quan cho An và chuyển 3.000.000đ tiền đặt cọc đến tài khoản ngân hàng của Võ Nguyên S. Thông tin An sau khi tiếp nhận được chuyển đến cho S, S chuyển tiếp đến Nguyễn Phi H và Kim Minh T để cùng nhau thực hiện việc in ấn, làm giả. Sau đó giấy tờ giả được H gửi chuyển phát đến cho Võ Thành T. Sau khi được T quay cho xem giấy tờ giả qua Zalo và xác nhận các thông tin đúng theo yêu cầu, Bình chuyển nốt số tiền 16.000.000đ đến tài khoản ngân hàng của S, còn T gửi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bình. Ngày 25/02/2022, Bình tiếp tục liên hệ với tài khoản Zalo “*Đỗ Quốc N*” của Mã Tấn A để đặt làm 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với giá 19.000.000đ, trong đó tiền đặt cọc là 2.000.000đ. Quá trình giao dịch, thực hiện làm giả tương tự như giao dịch trước đó mà Bình và các bị cáo có liên quan gồm An, S, T, Hiếu, T đã thực hiện. Tòng Văn B sau khi nhận được các giấy tờ giả đã sử dụng để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

5. Trường hợp Lê Hoàng Y:

Ngày 15/4/2022, Lê Hoàng Y, sinh năm 1983, HKTT: Ấp Phước 2, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh BL, hiện trú tại: 502/11/7U, Huỳnh Tấn Phát, phường Bình Thuận, Quận 7, TP H đã liên hệ với tài khoản Zalo “*Thanh Tuấn*” của Mã Tấn A để đặt làm giả 01 Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho bản thân với giá 1.500.000đ. Quá trình giao dịch của Y, việc thực hiện làm giả tương tự như giao dịch mà Thạch Minh T và các bị cáo có liên quan gồm An, S,

T, H đã thực hiện. Giấy tờ giả được Y mang về nhà cất, chưa sử dụng vào việc gì.

6. Trường hợp Lê Công TA:

Vào tháng 4/2022, Lê Công TA, sinh năm 1997, trú tại: Thôn 4, xã Xuân Thọ, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, công tác tại Công an xã Thọ Tiến, huyện Triệu Sơn đã liên hệ với tài khoản Zalo “Thanh Tuấn” của Mã Tấn A để đặt làm giả 11 giấy tờ liên quan đến điều trị bệnh ung thư vòm họng giai đoạn 2 cho bản thân tại Bệnh viện ung bướu Hà Nội với giá 16.000.000 đồng. Quá trình giao dịch của TA, việc thực hiện làm giả tương tự như giao dịch mà Thạch Minh T, Lê Hoàng Y và các bị cáo có liên quan gồm An, S, T, H đã thực hiện. Vào tháng 6/2022, TA tiếp tục liên hệ với tài khoản Zalo số 0707.701.580 mang tên Minh Anh để đặt làm giả 01 Giấy xác nhận đang điều trị tại Bệnh viện ngày 06/7/2022 của Bệnh viện ung bướu Hà Nội. Giấy tờ giả này không do nhóm của Võ Nguyên S thực hiện. Sau khi nhận được giấy tờ giả, TA đã nộp cho Công an huyện Triệu Sơn với mục đích xin nghỉ dài hạn.

7. Trường hợp Nguyễn Đức M:

Ngày 20/5/2022, Nguyễn Đức M, sinh năm 1994, trú tại: Tổ 9, phường Chiềng Lê, TP Sơn La, tỉnh Sơn La có nhu cầu muốn làm Chứng nhận đăng ký xe biển số đẹp để khoe với bạn bè nên đã liên hệ với tài khoản Zalo “Bùi Dũng” của S để đặt làm giả 01 chứng nhận đăng ký xe với giá 2.000.000đ. Mạnh lên mạng xã hội tìm kiếm hình ảnh đăng ký xe thì thấy và lưu về 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 17000643 mang tên Bùi Ngọc Sơn, biển số đăng ký 17B6-345.67 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 30/01/2021. Mạnh gửi ảnh Giấy chứng nhận đăng ký xe tìm kiếm được như trên cho S đồng thời chuyển 200.000đ tiền đặt cọc đến tài khoản ngân hàng mang tên Bùi Văn D của S. Thông tin S tiếp nhận được chuyển đến cho H và T để trực tiếp in ấn, làm giả. Giấy tờ giả làm xong được H chuyển phát đến cho T rồi T chuyển cho K để đi giao trực tiếp. Đến ngày 23/5/2022, Khanh đến giao cho Mạnh và nhận số tiền 1.800.000^d. Khanh đưa số tiền thu được cho T. T đưa tiền cho Như để Như chuyển đến tài khoản ngân hàng mang tên Bùi Văn D cho S. Sau khi nhận được giấy tờ giả M chưa sử dụng vào việc gì.

8. Trường hợp Phạm Văn V:

Ngày 24/5/2022, Phạm Văn V, sinh năm 2001, trú tại: Thôn 8, xã Ea Ning, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk liên hệ với tài khoản Zalo “Thanh Tuấn” của Mã Tấn A để đặt làm giả 01 Giấy chứng minh nhân dân số 241772177 mang tên Phạm Văn V do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/5/2016 với giá 1.500.000đ. Vũ gửi ảnh Giấy chứng minh nhân dân cũ và ảnh chân dung mới của Vũ cho An rồi An chuyển cho S. S chuyển tiếp thông tin cho H, T để trực tiếp in ấn, làm giả Giấy chứng minh nhân dân trên. Giấy tờ giả làm xong được H chuyển phát đến cho T, sau đó T chuyển cho Khanh để đi giao trực tiếp cho V. Ngày 01/6/2022, K

đã giao Giấy chứng minh nhân dân giả cho V và nhận 1.500.000đ tiền mặt. K nhận tiền rồi chuyển lại cho T. Số tiền trên T chưa kịp đưa cho Như để chuyển cho S, do có việc đột xuất, T đã tiêu xài hết số tiền trên. Sau khi nhận được giấy tờ giả Vũ chưa sử dụng vào việc gì.

* Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Sơn La đã thu giữ nhiều tài liệu, giấy tờ tại nơi ở, nơi làm giả giấy tờ của các đối tượng và tài liệu, giấy tờ do những người liên quan khác cung cấp gồm:

+ Các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; thẻ ngân hàng, căn cước công dân, chứng minh thư nhân dân, chứng chỉ tiếng anh, điện thoại di động, tiền mặt, giấy phép lái xe, chứng nhận đăng ký xe, các giấy tờ hôn nhân, các giấy tờ thủ tục nhập viện, điều trị bệnh mang tên nhiều đối tượng khác nhau;

+ Các loại máy móc, thiết bị, công cụ hỗ trợ phục vụ việc in ấn giấy tờ, tài liệu giả gồm: 02 máy làm dấu silicon; 01 máy đóng dấu âm dương; 02 máy ép plastic; 01 máy scan; 03 máy in màu A4; 01 máy in nhãn hiệu “SAMSUNG ML-1640” vỏ bằng nhựa màu đen; 05 máy in; 01 máy tính xách tay; 01 màn hình vi tính LCD; 01 bàn phím máy tính; 01 Bàn cắt giấy; 200 thẻ nhựa; 20 giấy in ảnh cỡ A4; 04 giấy bìa cơ A3; 30 giấy in ảnh cỡ A5; 50 tấm ép plastic cỡ A5; 30 tấm ép plastic cỡ A4; 03 hộp đóng dấu tên (*kèm theo 03 hộp mực*); 06 phong bì bằng giấy bìa màu cam cỡ A5; 24 phong bì bằng giấy bìa màu cam cỡ A4.

* Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Sơn La đã tiến hành trưng cầu giám định đối với tiền và các loại giấy tờ có liên quan thu giữ trong vụ án.

+ Tại Kết luận giám định số: 1020/KTHS ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La xác định: “*Số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) tạm giữ trong quá trình khám xét nơi ở của Võ Nguyên S là tiền thật*”.

+ Tại Kết luận giám định số: 1021/KTHS ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: “*01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 241772177 mang tên Phạm Văn V do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/5/2016 là giả*”.

+ Tại Kết luận giám định số: 1022/KTHS ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: “*01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 17000643 mang tên Bùi Ngọc Sơn, biển số đăng ký 17B6-345.67 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 30/01/2021 là giả*”.

+ Tại Kết luận giám định số: 1662/KL-KTHS ngày 26/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La xác định: “*07 Chứng chỉ tiếng anh, 01 Bằng tốt nghiệp đại học tạm giữ trong quá trình khám xét nơi ở của Võ Nguyên S; 22 Căn cước công dân, 17 Giấy chứng minh nhân dân, 05 Giấy phép lái xe,*

03 Chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy, 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm giữ trong quá trình khám xét nơi ở của Huỳnh Tuấn K đều là giả”.

+ Tại Kết luận giám định số: 1365/KL-KTHS ngày 13/8/2022; số: 1366/KL-KTHS ngày 13/8/2022; Kết luận giám định số: 1618/KL-KTHS ngày 08/10/2022; Kết luận giám định số: 1663/KL-KTHS ngày 26/10/2022; số: 1664/KL-KTHS ngày 26/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đã xác định: “Các hình dấu tròn (có thông tin của Ủy ban nhân dân các xã, phường và của bệnh viện) trên các mẫu cần giám định (các tài liệu, giấy tờ thu giữ khi điều tra) so với các hình dấu có cùng nội dung trên mẫu so sánh (các đơn vị chủ quản cung cấp) không phải do cùng một con dấu đóng ra”.

* Qua kiểm tra dữ liệu điện thoại, trang web:

+ Kiểm tra dữ liệu trên trang web www.giaytonhanh.com phát hiện: Các dữ liệu quảng cáo, bài viết về việc làm giấy tờ giả kèm số điện thoại liên hệ.

+ Kiểm tra dữ liệu trên điện thoại di động của các đối tượng phát hiện: Các nội dung tin nhắn liên quan đến nội dung vụ án.

* Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành phong tỏa 03 tài khoản ngân hàng gồm: Tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0441000748145 mang tên Mai Hoàng P, số tiền là 652.895 đồng; tài khoản ngân hàng Vietcombank số 1016413567 mang tên Bùi Văn Dũng, số tiền là 114.711.331 đồng; tài khoản ngân hàng Sacombank số 060229815981 mang tên Nguyễn Thanh Tuấn, số tiền là 1.211.784 đồng.

* Tại Cáo trạng số: 483/CT-VKSTP ngày 29/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La đã truy tố: Võ Nguyên S về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; Võ Thành T, Mã Tấn A, Nguyễn Quỳnh N, Nguyễn Phi H, Kim Minh T, về tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; Huỳnh Tuấn K về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự; Lê T, Lê Văn K, Trần Quốc V, Lê Thị Thảo C về tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự; Bùi Văn K về tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2023/HS-ST ngày 30/3/2023, Tòa án nhân dân thành phố Sơn La đã xét xử và Quyết định:

1- Căn cứ điểm a, c khoản 3, khoản 4 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Võ Nguyên S phạm tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Xử phạt bị cáo Võ Nguyên S 48 (Bốn mươi tám) tháng tù, thời hạn tù

tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 03 tháng 6 năm 2022. Phạt bổ sung - Phạt tiền bị cáo Võ Nguyên S 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

2- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Võ Thành T phạm tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Xử phạt bị cáo Võ Thành T 42 (Bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 03 tháng 6 năm 2022.

3- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quỳnh N phạm tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quỳnh N 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 03 tháng 6 năm 2022.

4- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; **điểm a**, g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Phi H, Kim Minh T, Mã Tấn A phạm tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Phi H 40 (Bốn mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 18 tháng 6 năm 2022.

+ Xử phạt bị cáo Kim Minh T 40 (Bốn mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 18 tháng 6 năm 2022.

+ Xử phạt bị cáo Mã Tấn A 40 (Bốn mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 03 tháng 6 năm 2022.

5- Căn cứ khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Tuấn K phạm tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Xử phạt bị cáo Huỳnh Tuấn K 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 03 tháng 6 năm 2022.

6- Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố các bị cáo Lê T, Lê Văn K phạm tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

+ Xử phạt bị cáo Lê T 08 (Tám) tháng tù, được trừ đi 42 (Bốn mươi hai) ngày tạm giữ, tạm giam, bị cáo còn phải chấp hành tiếp là 06 (Sáu) tháng 18 (Mười tám) ngày, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam (Trại tạm giam, Nhà tạm giữ) chấp hành án.

+ Xử phạt bị cáo Lê Văn K 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam (Trại tạm giam, Nhà tạm giữ) chấp hành án.

7- Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố các bị cáo Trần Quốc V, Lê Thị Thảo C phạm tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

+ Xử phạt bị cáo Trần Quốc V 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam (Trại tạm giam, Nhà tạm giữ) chấp hành án.

+ Xử phạt bị cáo Lê Thị Thảo C 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam (Trại tạm giam, Nhà tạm giữ) chấp hành án.

8- Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn K phạm tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”. Xử phạt bị cáo Bùi Văn K 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam (Trại tạm giam, Nhà tạm giữ) chấp hành án.

9- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Võ Thành T, Mã Tấn A, Nguyễn Quỳnh N, Nguyễn Phi H, Kim Minh T, Huỳnh Tuấn K, Lê T, Lê Văn K, Trần Quốc V, Lê Thị Thảo C, Bùi Văn K

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

* Do không nhất T với quyết định của bản án sơ thẩm, ngày 04/4/2023 các bị cáo Lê T, Lê Văn K, Trần Quốc V, Lê Thị Thảo C, Bùi Văn K có đơn kháng cáo; ngày 06/4/2023 các bị cáo Mã Tấn A, Kim Minh T có đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo của các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

* Trước khi mở phiên toà: Ngày 20/6/2023, các bị cáo Mã Tấn A, Kim Minh T có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo (đơn kháng cáo có xác nhận của Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La). Căn cứ vào Điều 45, Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Toà án nhân dân tỉnh Sơn La đã ra quyết định Đình chỉ xét xử phúc thẩm số 12/2023/HSPT-QĐ và 13/2023/HSPT-QĐ ngày 22/6/2023 đối với các bị cáo Mã Tấn A, Kim Minh T.

*** Tại phiên toà phúc thẩm:**

- Các bị cáo Lê T, Lê Văn K, Trần Quốc V, Lê Thị Thảo C, Bùi Văn K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo của các bị cáo và quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo Lê T, Lê Văn K, Trần Quốc V, Lê Thị Thảo C về tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự; bị cáo Bùi Văn K về tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”

theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, hình phạt tù giam mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là quá nghiêm khắc, chưa xem xét đúng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2023/HS-ST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La theo hướng chuyển hình phạt tù nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cho các bị cáo.

- Các bị cáo nhất T với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến khảnại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/4/2023 các bị cáo Lê T, Lê Văn K, Trần Quốc V, Lê Thị Thảo C, Bùi Văn K có đơn kháng cáo; ngày 06/4/2023 các bị cáo Mã Tấn A, Kim Minh T có đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định, hợp lệ về hình thức, đúng chủ thể, đảm bảo về thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về hành vi phạm tội: Tại cấp sơ thẩm, các cơ quan tố tụng đã xác định và làm rõ hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Bị cáo Võ Nguyên S: Từ tháng 12/2021 đến tháng 5/2022, bị cáo đã có hành vi chủ mưu, cầm đầu, chỉ đạo các bị cáo Mã Tấn A, Nguyễn Phi H, Kim Minh T, Võ Thành T làm giả 85 tài liệu, con dấu của cơ quan, tổ chức để thu lợi bất chính, trong đó cơ quan điều tra đã làm rõ đối với 24 tài liệu, giấy tờ giả; bị cáo thu lời bất chính số tiền 65.000.000đ.

Bị cáo Nguyễn Phi H: Từ tháng 12/2021 đến tháng 5/2022, bị cáo đã có hành vi giúp sức tích cực cho Võ Nguyên S làm giả 71 tài liệu, con dấu của cơ quan, trực tiếp tổ chức trong việc vận hành máy móc, in ấn, làm giả giấy tờ và được bị cáo Võ Nguyên S trả công mỗi tháng 8.000.000đ.

Bị cáo Võ Thành T: Từ tháng 12/2021 đến tháng 5/2022, bị cáo đã có hành vi giúp sức tích cực cho Võ Nguyên S làm giả 24 tài liệu, con dấu của cơ quan,

tổ chức trong việc giao giấy tờ giả và nhận tiền của khách hàng, bị cáo Võ Thành T nhận thức được các tài liệu, giấy tờ đã giao là giả nhưng vẫn cố ý thực hiện để được bị cáo Võ Nguyên S trả công bằng tiền, mỗi lần từ 100.000đ đến 300.000đ.

Bị cáo Mã Tấn A: Từ tháng 12/2021 đến tháng 5/2022, bị cáo đã có hành vi giúp sức tích cực cho Võ Nguyên S làm giả 28 tài liệu, con dấu của cơ quan, tổ chức trong việc tiếp nhận thông tin khách hàng đặt làm giả giấy tờ qua mạng xã hội rồi chuyển cho bị cáo Võ Nguyên S và được bị cáo Võ Nguyên S trả công mỗi tháng từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ, tùy theo số lượng giấy tờ giả làm được.

Bị cáo Kim Minh T: Từ tháng 02/2022 đến tháng 5/2022, bị cáo đã có hành vi giúp sức tích cực cho Võ Nguyên S làm giả 20 tài liệu, con dấu của cơ quan, tổ chức, bị cáo cùng Nguyễn Phi H trực tiếp vận hành máy móc, in ấn, làm giả giấy tờ và được bị cáo Võ Nguyên S trả công bằng tiền.

Bị cáo Nguyễn Quỳnh N: Từ tháng 12/2021 đến tháng 5/2022, bị cáo đã có hành vi giúp sức cho bị cáo Võ Nguyên S và Võ Thành T làm giả 08 tài liệu, con dấu của cơ quan, tổ chức trong việc chuyển số tiền mà bị cáo Võ Thành T thu được của khách đặt làm giả giấy tờ cho bị cáo Võ Nguyên S. Bị cáo Nguyễn Quỳnh N biết các giấy tờ bị cáo Võ Thành T giao là giả nhưng vẫn cố ý thực hiện để được bị cáo Võ Nguyên S trả công bằng tiền.

Bị cáo Huỳnh Tuấn K: Từ ngày 23/5/2022 đến ngày 01/6/2022, bị cáo đã có hành vi giúp sức cho bị cáo Võ Thành T và Võ Nguyên S làm giả 02 tài liệu, con dấu của cơ quan, tổ chức trong việc giao giấy tờ giả và nhận tiền của khách hàng rồi chuyển cho bị cáo Võ Thành T, bị cáo Huỳnh Tấn Khanh biết các tài liệu, giấy tờ đã giao là giả nhưng vẫn cố ý thực hiện để được bị cáo Võ Thành T trả công bằng tiền.

Bị cáo Lê T: Từ tháng 01/2022 đến tháng 02/2022, bị cáo đã có hành vi cung cấp thông tin của Cao Ngọc K và số tiền 1.500.000 đồng để bị cáo Võ Nguyên S cùng đồng phạm làm giả 01 con dấu, tài liệu (*Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân*) của Ủy ban nhân dân phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương để hoàn thiện hồ sơ cho Cao Ngọc K vay tiền Ngân hàng mua xe ô tô.

Bị cáo Lê Văn K, Trần Quốc V, Lê Thị Thảo C: Vào tháng 12/2021, các bị cáo đã có hành vi cung cấp thông tin của Bùi Văn K và số tiền 1.500.000 đồng để bị cáo Võ Nguyên S cùng đồng phạm làm giả 01 con dấu, tài liệu (*Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân*) của Ủy ban nhân dân xã Ngọc Phụng, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa để Bùi Văn K bổ sung vào hồ sơ vay vốn Ngân hàng VPBank Chi nhánh TP H.

Đối với bị cáo Bùi Văn K: Vào tháng 01/2022, bị cáo đã có hành vi sử dụng tài liệu giả (*Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân*) của Ủy ban nhân dân xã Ngọc Phụng, huyện Thường Xuân, tỉnh TH để bổ sung vào hồ sơ vay vốn Ngân hàng VPBank Chi nhánh TP H.

Xét hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của các cơ quan nhà nước trong việc quản lý con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên phạt: bị cáo Võ Nguyên S 48 tháng tù về tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; bị cáo Võ Thành T 42 tháng tù; bị cáo Mã Tấn A 40 tháng tù; bị cáo Nguyễn Phi H 40 tháng tù; bị cáo Kim Minh T 40 tháng tù; bị cáo Nguyễn Quỳnh N 36 tháng tù về tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; bị cáo Huỳnh Tuấn K 36 tháng tù về tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê T 08 tháng tù; bị cáo Lê Văn K 07 tháng tù; bị cáo Trần Quốc V 06 tháng tù; bị cáo Lê Thị Thảo C 06 tháng tù về tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự; bị cáo Bùi Văn K 07 tháng tù về tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, không oan sai.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của các bị cáo Lê T, Lê Văn K, Trần Quốc V, Lê Thị Thảo C và Bùi Văn K, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2023/HSST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La đã nhận định, đánh giá đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Lê T, Lê Văn K, Trần Quốc V, Lê Thị Thảo C và Bùi Văn K như: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; đều có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bố đẻ của bị cáo Trần Quốc V và bố chồng của bị cáo Lê Thị Thảo C là ông Trần Quốc T (Việt và Chi là vợ chồng) có công với cách mạng, được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hàng Ba, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo tham gia phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức trong vụ án nên được áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo cung cấp bổ sung tài liệu chứng cứ mới gồm: Giấy bảo lãnh và đơn xin được hưởng án treo có xác nhận của chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú.

Xét thấy, các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại

khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặt khác, các bị cáo đều là đồng phạm giúp sức trong vụ án, có nơi cư trú rõ ràng; phạm tội không có tính thường xuyên, chuyên nghiệp; ngoài lần phạm tội này, các bị cáo luôn chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú. Đối cHvớI quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Thấy rằng, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, việc chuyển biện pháp chấp hành hình phạt tù cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và việc cho các bị cáo hưởng án treo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước. Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cho các bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[6] Từ những nhận định, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê T, Lê Văn K, Trần Quốc V, Lê Thị Thảo C, Bùi Văn K; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 48/2023/HSST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tại phiên tòa.

[7] Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo của các bị cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê T, Lê Văn K, Trần Quốc V, Lê Thị Thảo C và Bùi Văn K; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2023/HSST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La như sau:

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Lê T phạm tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Xử phạt bị cáo Lê T 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 29/8/2023).

Giao bị cáo Lê T cho Ủy ban nhân dân phường 13, quận BT, thành phố H giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Lê T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 86, Điều

92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lê T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Lê Văn K phạm tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Xử phạt bị cáo Lê Văn K 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 29/8/2023).

Giao bị cáo Lê Văn K cho Ủy ban nhân dân xã THT, huyện TP, tỉnh TG giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Lê Văn K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 86, Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lê Văn K cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

1.3. Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Quốc V và bị cáo Lê Thị Thảo C phạm tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc V 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 29/8/2023).

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thảo C 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 29/8/2023).

Giao bị cáo Trần Quốc V và bị cáo Lê Thị Thảo C cho Ủy ban nhân dân phường THĐ, thành phố K, tỉnh K giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 86, Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo nào cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo nào thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo đó

phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

1.4. Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn K phạm tội: “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Xử phạt bị cáo Bùi Văn K 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 29/8/2023).

Giao bị cáo Bùi Văn K cho Ủy ban nhân dân xã NP, huyện TX, tỉnh TH giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 86, Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Các bị cáo Lê T, Lê Văn K, Trần Quốc V, Lê Thị Thảo C và Bùi Văn K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo của các bị cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 29/8/2023).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND thành phố Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La;
- Chi cục THADS thành phố Sơn La;
- Công an thành phố Sơn La;
- Các bị cáo;
- UBND xã, phường nơi các bị cáo cư trú;
- Phòng KTNV- THA;
- Tổ HCTP;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tuấn Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Thị Mai Lan

Lại Thị H

Phạm Tuấn Minh

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND thành phố Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La;
- Chi cục THADS thành phố Sơn La;
- Công an thành phố Sơn La;
- Các bị cáo;
- UBND xã, phường nơi các bị cáo cư trú;
- Phòng KTNV- THA;
- Tổ HCTP;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn Minh